

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 21/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngu

2. Bà Đặng Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HS, ngày 04/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST – HS ngày 03/4/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn L**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 25/12/1960.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Na Dau, xã Phủ Lý, huyện Phú Lương, Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 03/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Mão (đã chết) và bà Hoàng Thị Đ (đã chết). Có vợ là: Nguyễn Thị Á, sinh năm 1959, có 03 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị giam, giữ; hiện tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1970, địa chỉ: Xóm Na Dau, xã Phủ Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

- Người làm chứng: Ông Hoàng Minh Nh, sinh năm 1964, địa chỉ: Xóm Na Dau, xã Phủ Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn Long và Hoàng Thị T, sinh năm 1970, cùng trú tại xóm Na Dau, xã Phú Lý, huyện Phú Lương, là anh em ruột. Tuy nhiên trong cuộc sống giữa hai anh em xảy ra nhiều mâu thuẫn. Khoảng 17 giờ ngày 11/10/2019 Hoàng Văn L đi chăn trâu về đến cổng nhà bà Hoàng Thị T thì bị chó nhà bà T sủa cắn, L đã dùng cành cây, đá ném để dọa chó, bà T khi đó đang pha bình thuốc sâu ở sân thấy thế liền nói “*Con chó nó có biết gì đâu mà đánh nó, có giỏi thì đánh người y*” thì ông L chửi “*mẹ con đĩ, bố con đĩ*”, bà T nói lại “*Con này đĩ nhưng cũng không tranh vợ, cướp chồng của ai, có người được dạy khôn nhưng đi tranh vợ, cướp chồng của người ta, sao mà sống chó thế*”, ông L không nói gì đi về nhà. Sau đó bà T mang bình thuốc sâu đi phun lúa, khi đi qua nhà ông L do bức tức chuyện ông L ném dọa chó và chửi mình nên bà T vừa đi vừa nói “*đã ghét tao thì đừng buộc trâu vào ruộng nhà tao nữa, cứ như tao biết nghĩ thì đâm đầu vào lòn trâu chết mẹ đi, cái loại đi ăn gạo sạn về mà ngu như chó y*” nghe thấy T chửi mình, Long từ nhà đi ra sân nhặt 01 đoạn gỗ keo khô dài 38cm đến nơi bà T đang đứng, rồi nói “*T mày nói gì, mày nói lại tao xem nào, mày bảo ai chó*” bà T nói lại “*chả chó thì sao nữa*”. Nghe thấy vậy, L tiến sát bà T rồi dùng tay trái tát vào mặt bà T 03 phát, tay phải cầm đoạn gỗ đập vào mông bà T 02 phát. Bị đánh bà T bỏ bình thuốc sâu đang đeo trên người xuống đất rồi chạy đến đồng đá ở gần đó nhặt lên 02 viên đá cầm ở trên tay giơ lên định ném, thì L tiến lại và dùng tay trái túm tóc T ấn xuống đường và lắc qua lại làm 02 hòn đá trên tay T rơi ra, lúc này T liền dùng tay phải để bóp hạ bộ của L tuy nhiên không bóp được thì L liền dùng đầu gối phải thúc 02 phát vào bụng bà T và dùng tay phải cầm đoạn gỗ keo đập 02 phát vào đầu bà T. Thấy đầu T chảy máu, Long liền vứt đoạn gỗ ra gần đó thì T dùng hai tay túm cổ áo Long và dùng chân trái đạp vào mặt Long 01 phát thì Long tiếp tục dùng tay giữ tóc T và ấn xuống đường rồi Long nói vợ là bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1959 đi báo Công an, khi Công an xã đến thì sự việc đánh nhau chấm dứt. Bà T bị thương chảy máu ở đầu được mọi người đưa đi sơ cứu tại Trạm y tế xã Phú Lý, sau đó chuyển đến Trung tâm y tế huyện Phú Lương để điều trị đến ngày 18/10/2019 ra viện.

Tại Bệnh án số 6411 ngày 18/10/2019 của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương, xác định bà Hoàng Thị T bị các vết thương: Vết thương đỉnh đầu dài = 3cm, Ngón tay 4, bàn tay phải, mặt trước đốt 3 có vết thương = 2cm.

Tại Bản kết luận giám định số 647/TgT ngày 05/12/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Nguyên đối với Hoàng Thị T, sinh năm 1970, HKTT xóm Na Dau, xã Phú Lý, Phú Lương, Thái Nguyên: Vùng đỉnh đầu có sẹo vết thương phần mềm màu nâu nhạt, kích thước dài 1,5cm, rộng 0,6cm. Đốt 3 ngón IV bàn tay (P) có sẹo màu nâu nhạt, kích thước dài 2cm, rộng 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 4%.

Vật chứng của vụ án: 01 đoạn gãy gỗ keo dài 38cm, đường kính 03 cm; 01 viên đá màu xanh kích thước 8x10cm hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng chờ xử lý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng, tuy nhiên, bị cáo L đến nay chưa bồi thường gì đối với chị T.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKSPL ngày 29 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo Hoàng Văn L về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn L, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L mức án từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 590 BLDS Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại từ 10 triệu đến 12 triệu đồng.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Bị cáo và người bị hại không ai tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết tội của mình và xin hứa sẽ ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, thu giữ vật chứng, kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án... Do vậy, đã đủ cơ sở để xác định: Hồi 17 giờ ngày 11/10/2019 tại đoạn đường thuộc xóm Na Dau, xã Phú Lý, huyện Phú Lương, Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị T (là hai anh em ruột) sau khi xảy ra xích mích cãi chửi nhau, L đã dùng tay, chân và 01 gậy gỗ dài gỗ dài 38cm, đường kính 03 cm đánh nhiều cái vào người, đầu của bà Tình, gây thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Tình là 04%. (*Bốn phần trăm*).

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Nội dung của Điều 134 Bộ Luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a. Dùng...hung khí nguy hiểm.”

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương.

[4] Xét các yếu tố về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi xảy ra sự việc bị

cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại một phần đối với bị hại, Bị cáo từng phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, được Chủ tịch nước tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen do vậy xác định bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, học tập hoặc công tác. Nên bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s, v, khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về hình phạt: Căn cứ Điều 65 BLHS 2015, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của địa phương cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại là chị Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo không chấp nhận mức bồi thường này. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị T là chính đáng, tuy nhiên mức bồi thường chưa phù hợp, chị T không cung cấp được các chứng từ hoặc giấy biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 590 BLDS 2015, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về thiệt hại ngoài hợp đồng, tính các khoản mà chị T được hưởng như sau:

- Biên lai tiền viện phí: 1.892.284 đồng + 26.990 đồng = 1.919.274 đồng.
- Tiền thuốc: 513.600 đồng.
- Tiền thuê phương tiện đưa người bị hại đi cấp cứu ở cơ sở y tế được tính lượt đi, lượt về: 100.000 đồng x 02 lượt = 200.000 đồng.
- Thu nhập thực tế của bị hại bị mất trong ngày nằm viện: 200.000 đồng x 7 ngày nằm viện = 1.400.000 đồng.
- Thu nhập thực tế của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị: 200.000 đồng x 7 ngày nằm viện = 1.400.000 đồng.
- Tiền tổn thất tinh thần: Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 BLDS 2015, “... mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”. Chị T bị tổn hại 04% sức khỏe, cần buộc bị cáo bồi thường một khoản tiền tương đương với 04 tháng lương cơ sở tại thời điểm hiện tại là 1.490.000 đồng/01tháng: 04 x 1.490.000 đồng = 5.960.000 đồng.

Cần buộc bị cáo Hoàng Văn L phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là: 11.392.874 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo L đã tự nguyện bồi thường thiệt hại đối với chị T số tiền 1.500.000 đồng, quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại đối với bị hại số tiền 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009549 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương. Do vậy cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho chị T.

[8] Vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ keo dài 38 cm, đường kính 03cm, 01 viên đá màu xanh kích thước 8x10cm.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt cũng như các vấn đề khác là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s, v, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47,48 Điều 65 BLHS 2015; Điều 106, 135, 136 BLTTHS 2015; Điều 590,357,468 BLDS; Luật phí, lệ phí 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 9 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã phủ Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn L phải bồi thường cho bị hại Hoàng Thị T tổng số tiền là: 11.392.874 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo Long đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000 đồng, trước khi đưa vụ án ra xét xử, bị cáo bồi thường tiếp số tiền 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009549 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương. Do vậy bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho chị T là 5.892.874đ (Năm triệu tám trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bảy tư đồng).

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ keo dài 38 cm, đường kính 03cm, 01 viên đá màu xanh kích thước 8x10cm.

4. Án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS Phú Lương;
- Công an Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- THAHS- Công an tỉnh TN
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Hồng Nam